

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – ĐỒNG NAI
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **18/2025/HNGĐ - ST**

Ngày 25/8/2025

“V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Khuyên**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Minh Tiến**

2. Ông **Nguyễn Văn Ba**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hồ Sỹ Khánh** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 11/2025/TLST- HNGĐ ngày 10/7/2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 08/8/2025 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Chị **Leong Cẩm N**, sinh năm 1992

Địa chỉ: số nhà S, tổ A, ấp T, xã C, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Hoàng T**, sinh năm 1984

HKTT: ấp T, xã C, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: số nhà S, tổ A, ấp T, xã C, tỉnh Đồng Nai.

(các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, các lời khai bổ sung trong hồ sơ thể hiện nguyên đơn chị Leong Cẩm N trình bày:**

Chị và anh Nguyễn Hoàng T trên cơ sở tự nguyện, thương yêu nhau và tiến tới hôn nhân với nhau vào năm 2014, có tổ chức đám cưới theo nghi thức truyền thống và đăng ký kết hôn tại xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai vào ngày 13/3/2014. Đây là hôn nhân lần đầu tiên của cả hai người. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Trước đây chị đã từng nộp đơn ly hôn lên Tòa án nhưng do anh T năn nỉ và cam kết sẽ thay đổi nên chị rút đơn để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ chung sống với nhau, nhưng về nhà thì anh T vẫn không thay đổi nên chị và con đã chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân nhau.

Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị N trình bày: do anh T thường xuyên ghen tuông vô cớ, kiểm soát cuộc sống của chị quá mức, không cho chị đi làm, không cho chị giao tiếp với bạn bè kể cả bạn bè cùng giới. Từ đó dẫn đến cuộc sống hôn nhân của chị và anh T quá ngột ngạt khiến chị không thể chịu đựng thêm. Nay do cuộc sống chung không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng chị dành cho anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Khánh B, sinh ngày 14/11/2014. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi dưỡng cháu B, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Quá trình giải quyết vụ án theo hồ sơ thể hiện bị đơn anh Nguyễn Hoàng Tiến trình B1:***

Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về cơ sở tiến tới hôn nhân, quá trình hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Anh xác định vợ chồng có mâu thuẫn như chị N trình bày. Tuy nhiên, do quá yêu thương vợ và không muốn vợ cực khổ nên anh T mới ghen tuông và không cho vợ đi làm. Mọi việc anh làm đều xuất phát từ tình yêu thương vợ con, vì vậy anh mong muốn vợ chồng hàn gắn và không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án xử cho chị N ly hôn với anh thì anh T đồng ý giao con chung là cháu Khánh B cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đồng Nai:***

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng. Cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

- Về nội dung: áp dụng Điều 56, Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị N và anh T ly hôn; Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung cháu Nguyễn Ngọc Khánh B, sinh ngày 14/11/2014 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh T do chị N không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị khắc phục: không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng: chị Leong Cẩm N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Hoàng T, xin nuôi dưỡng con chung nên đây là vụ án về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Hoàng T có hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện tại thuộc xã C, tỉnh Đồng Nai, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Nai.

[3] Về thủ tục tố tụng: chị Leong Cẩm N và anh Nguyễn Hoàng T có đơn và yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị N là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị Leong Cẩm N và anh Nguyễn Hoàng T đã tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai vào ngày 13/3/2014 theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 26/2014 nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N nhận thấy:

Theo trình bày của chị N thì cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do anh T thường xuyên ghen tuông vô cớ, kiểm soát cuộc sống và các mối quan hệ của chị quá mức. Nay do tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T. Anh T thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn như chị N trình bày tuy nhiên do vẫn còn yêu thương chị N mong muốn vợ chồng hàn gắn lại với nhau nên anh không đồng ý ly hôn. Xét thấy, cả chị N và anh T đều xác định quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, năm 2023 chị N đã từng nộp đơn lên Tòa án để giải quyết nhưng đã rút đơn để cho anh T cơ hội sửa đổi nhưng anh T không thay đổi khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mặc dù anh T còn tình cảm với chị N nhưng chị N xác định không còn tình cảm với anh T và kiên quyết xin được ly hôn. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa anh chị không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh T.

[6] Về con chung: Khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Khánh B, sinh ngày 14/11/2014. Anh T cũng thống nhất trong trường hợp Tòa án quyết định cho vợ chồng ly hôn thì anh đồng ý giao cháu Khánh B cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, chị N và anh T thống nhất với nhau được về vấn đề nuôi con chung và sự thống nhất này phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, giao cháu Khánh B cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị N không yêu cầu nên tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: chị N và anh T xác định vợ chồng không có nên không ai yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ Điều 131; Điều 19; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Leong Cẩm N.

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho chị Leong Cẩm N được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng T.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Khánh B, sinh ngày 14/11/2014 cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng: tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T do chị N không yêu cầu.

Sau khi ly hôn quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ khi cần thiết các bên có quyền được yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Khi cần thiết chị N, anh T được quyền yêu cầu xin thay đổi người nuôi dưỡng và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo đảm cho đến khi trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

- Về án phí: chị Leong Cẩm N phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn) đồng án phí LHST. Chuyển 300.000đ (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp thành tiền án phí (biên lai số 0013378 ngày 09/7/2025 tại Thị hành án dân sự tỉnh Đồng Nai, chị N đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 5 – Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Khuyên